

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát (diện tích 2,76 ha) của UBND huyện Phù Cát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3498/STNMT-CCBVMT ngày 30/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát của UBND huyện Phù Cát;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2181/UBND-BQL ngày 19/12/2022 của UBND huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1146/TTr-STNMT ngày 28/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát (diện tích 2,76 ha) (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Phù Cát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH DI DỜI KHẨN CẤP CÁC HỘ DÂN SỐNG
TRONG VÙNG SẠT LỞ TẠI NÚI CẨM, THÔN CHÁNH THẮNG,
XÃ CÁT THÀNH, HUYỆN PHÙ CÁT (DIỆN TÍCH 2,76 HA)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát (diện tích 2,76 ha).

- Địa điểm thực hiện: xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND huyện Phù Cát.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Xây dựng kênh thu nước chỉnh trị dòng chảy với chiều dài khoảng 300 m, lưu lượng thiết kế 29 m³/s, diện tích 650 m².

- Diện tích thực hiện san nền: 2,76 ha.

- Quy mô: gồm 64 lô đất ở, khoảng 256 người.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 28.860 m² (bao gồm 2.828 m² diện tích khu vực xây dựng bề tự hoại 05 ngăn).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

- Hạng mục chỉnh trị dòng chảy thoát nước lưu vực núi Cẩm: xây dựng kênh thu nước ở chân núi Cẩm đoạn từ hồ Cây Xoài đến hồ Cò với chiều dài khoảng 300 m, kết cấu bê tông xi măng, gia cố mái taluy.

- San nền, đường giao thông, hệ thống cấp điện, nước, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: bề tự hoại tập trung 05 ngăn công suất 52 m³/ngày.đêm, khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích khoảng 10 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 28.860 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Việc hình thành Dự án gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước khu vực ruộng xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất cát,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 25,6 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng (thân cây, lá, gốc cây,...) phát sinh khoảng 6,5 tấn.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình (bao bì đựng xi măng, xà bần,...) phát sinh khoảng 8 ÷ 13 kg/ngày.

- Quá trình thi công xây dựng phát sinh khoảng 1.497,75 m³ đất bóc hữu cơ và khoảng 2.783 m³ đất đào của hạng mục xây dựng kênh thu.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 20 kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 205 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát (dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, các loại dầu mỡ thải,...) với khối lượng khoảng 35 kg trong thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất. Việc hình thành Dự án gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước khu vực ruộng xung quanh Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: thuê nhà vệ sinh của hộ dân gần Dự án để sử dụng.
- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.
- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống cống thoát nước mưa dọc theo các tuyến đường bằng hố ga, cống bê tông li tâm D400 ÷ D600mm.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE đường kính D200 ÷ D300mm dọc các tuyến đường giao thông nội bộ và hệ thống hố ga thu gom nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực.

+ Khi khu vực chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung: nước thải sau khi được xử lý sơ bộ trong từng hộ dân, được đưa về bể tự hoại tập trung 05 ngăn có công suất 52 m³/ngày.đêm (có cột lọc bằng than hoạt tính), sau đó thoát ra mương đất nội đồng phía Nam Dự án (tọa độ điểm xả: 1.554.785; 598.954).

+ Khi khu vực có hệ thống xử lý nước thải tập trung: bể tự hoại tập trung 05 ngăn được chuyển thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại mỗi công trường thi công để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom thực bì phát sinh trong quá trình phát quang mặt bằng và xử lý theo quy định.

- Tận dụng toàn bộ lượng đất đào và đất bóc chất hữu cơ để đắp công trình kênh thu nước và đắp khu vực trồng cây xanh.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích 10 m² tại khu vực công viên cây xanh của Dự án.

- UBND huyện Phù Cát chỉ đạo tổ chức hoạt động thu gom rác cho các hộ dân trên địa bàn.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: thực hiện thu gom, lưu chứa và hợp đồng xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa với diện tích khoảng 28.860 m². Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Xây dựng mương đất hoàn trả dọc theo taluy của tuyến đường N3, chiều

dài khoảng 162 m để đảm bảo việc tưới tiêu cho đồng ruộng phía Nam Dự án.

- Xây dựng mương đất hoàn trả dọc theo taluy của tuyến đường N1, chiều dài khoảng 154 m để đảm bảo việc thoát nước khu vực ruộng phía Bắc Dự án.

- Xây dựng 2 cống D1000mm nằm trên tuyến D1 để hoàn trả cống hiện trạng phục vụ tưới tiêu, canh tác.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét kênh thu nước đảm bảo không gây sa bồi xuống hạ lưu; thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: tại tuyến đường giao thông phía Bắc Dự án (tọa độ: 1.554.921; 598.864).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.3. Giám sát sạt lở, sa bồi khu vực hạ lưu tại kênh thu nước ở chân núi Cẩm vào mùa mưa.